

nhiều thân cây như gỗ, tre, nứa ghép lại tạo thành vật có thể di chuyển trên nước và vận chuyển hàng hóa. Bè không có khoang như thuyền, nó có thể vận chuyển được nhiều và nó di chuyển bằng sức nước là chính.

- III. Củng cố - Dặn dò:

- GV yêu cầu HS tìm những tiếng khác có chứa dấu huyền, dấu ngã.

- Nhận xét tiết học.

- Dặn HS về nhà đọc lại bài.

- HS thi nhau tìm tiếng có chứa huyền: bàn, sàn, nhà,...Dấu ngã: suy nghĩ, sạch sẽ, mỹ thuật,...

Thứ tư, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Toán

Bài: CÁC SỐ 1, 2, 3

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được số lượng các nhóm đồ vật có 1, 2, 3 đồ vật.
- Đọc viết được các số 1, 2, 3.
- Biết đếm 1, 2, 3; đọc theo thứ tự ngược lại 3, 2, 1. Biết thứ tự các số 1, 2, 3.
- Làm BT 1, 2, 3

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Các hình vuông, hình tròn, hình tam giác cho phần kiểm tra bài cũ.
- Tranh minh họa như trong SGK.
- Phiếu học tập của HS bài 1, 2, 3.
- Bộ đồ dùng học toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
I. Kiểm tra bài cũ: <ul style="list-style-type: none">- GV đưa hình và gọi HS trả lời tên hình.- GV ghi điểm cho HS.	- 3 HS trả lời tên hình.
II. Giới thiệu bài:	
III. Dạy bài mới:	
1. Giới thiệu số 1: <ul style="list-style-type: none">- GV lần lượt đưa tranh 1 con chim, 1 bé gái và hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ Có mấy con chim?+ Có mấy bé gái?+ Con chim và bé gái đều có số lượng là mấy?- GV kết luận: Để chỉ số lượng là một ta dùng số một.- GV cho HS xem mẫu chữ số 1 in và chữ số 1 viết.	- 2 HS trả lời: <ul style="list-style-type: none">+ Có 1 con chim.+ Có 1 bé gái.+ Con chim và bé gái đều có số lượng là một. <ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe.- HS quan sát.

<p>- GV yêu cầu HS lấy chữ số 1 trong bộ học toán.</p> <p>- GV yêu cầu HS lấy 1 que tính, 1 hình vuông, 1 hình tròn và đọc: “1 que tính”, “1 hình vuông”, “1 hình tròn”.</p> <p>2. Giới thiệu số 2: Tiến hành tương tự như giới thiệu số 1.</p> <p>3. Giới thiệu số 3: Tiến hành tương tự như giới thiệu số 1.</p> <p>4. Đếm số từ 1 đến 3 và ngược lại:</p> <p>- GV đính hình vẽ cột lập phương và hướng dẫn HS đếm từ 1 đến 3 và ngược lại.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Số 2 đứng ở vị trí nào so với số 1?</p> <p>+ Số 2 đứng ở vị trí nào so với số 3?</p> <p>- GV gọi HS đếm từ 1 đến 3 và ngược lại cá nhân, lớp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS viết các số 1, 2, 3 vào bảng con.</p> <p>5. Thực hành: GV phát phiếu học tập cho HS.</p> <p>* Bài 1:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập và hướng dẫn HS nêu lại yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập. GV chú ý chỉnh sửa cho những HS viết chưa đúng.</p> <p>* Bài 2:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập và hướng dẫn HS nêu lại yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- GV sửa bài: GV đính từng tranh và gọi HS lên điền số. Cho cả lớp nhận xét.</p> <p>* Bài 3:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập và hướng dẫn HS nêu lại yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV đính bài tập 3 lên bảng và hướng dẫn HS cách làm: Hàng trên vẽ các chấm tròn, các ô ở hàng dưới viết số. Mỗi ô hàng trên nối với 1 ô ở hàng dưới. Số chấm tròn của ô hàng trên được ghi bằng số ở ô hàng dưới nối với nó. GV làm mẫu 1 cặp ô đầu tiên.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- GV sửa bài: GV gọi 3 HS lên sửa bài trên bảng. Cho cả lớp nhận xét.</p> <p>IV. Củng cố - Dặn dò:</p>	<p>- HS lấy chữ số 1 trong bộ học toán.</p> <p>- HS lấy 1 que tính, 1 hình vuông, 1 hình tròn và đọc theo yêu cầu của GV.</p> <p>- HS quan sát và lắng nghe GV hướng dẫn.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Số 2 đứng sau số 1.</p> <p>+ Số 2 đứng trước số 3.</p> <p>- HS đếm từ 1 đến 3 và ngược lại cá nhân, lớp.</p> <p>- HS viết bảng con các số 1, 2, 3.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập Viết số 1, 2, 3.</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập Viết số vào ô trống (theo mẫu)</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- 6 HS lần lượt lên sửa bài trên lớp.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập Viết số hoặc vẽ chấm tròn thích hợp.</p> <p>- HS lắng nghe GV hướng dẫn cách làm bài.</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- 3 HS lên sửa bài trên bảng lớp.</p>
---	--

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát trong lớp và nêu tên những đồ vật có số lượng là 1, 2, 3. - Nhận xét tiết học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và nêu tên: 1 cái tủ, 1 cửa lớp, 2 cái quạt, 3 cái ly,... - HS lắng nghe.
--	--

Học vần

Bài: be, bè, bé, bẻ, bẽ, bệ

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được các âm, chữ e, b và dấu thanh: dấu sắc, dấu hỏi, dấu nặng, dấu huyền, dấu ngã.

- Đọc được tiếng be kết hợp với các dấu thanh: be, bè, bé, bẻ, bẽ, bệ.

- Tô được e, b, bé và các dấu thanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bộ ghép chữ Học vần.

- Tranh minh họa trong SGK.

- 2 bảng ôn trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
<p>I. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS viết dấu huyền, ngã, bè, bẽ vào bảng con. - GV nhận xét chung. <p>II. Dạy bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi HS các âm, các dấu thanh đã được học. GV ghi bảng các âm và các dấu thanh HS nêu. - GV hỏi tiếp các tiếng đã được học và yêu cầu HS đọc nối tiếp các tiếng bên cạnh mỗi bức tranh trong SGK. - GV giới thiệu vào bài, ghi tựa bài lên bảng và gọi HS lần lượt nhắc lại tựa bài. <p>2. Ôn tập:</p> <p>a). Ôn âm e, b và ghép e, b thành tiếng be:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS ghép tiếng be. Sau đó, nhận xét bài ghép của HS. - GV viết bảng tiếng be và gọi HS nối tiếp đọc: bờ - e - be - bẻ. - Gọi 1 HS phân tích tiếng be. <p>b). Ghép tiếng be với các dấu thanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đính bảng ôn 2 lên bảng và lần lượt yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết bài vào bảng con. - HS trả lời các âm đã học là âm e, âm b. Các dấu thanh đã học là dấu sắc, dấu huyền, dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng. - HS trả lời các tiếng đã học be, bé, bè, bẻ, bẽ, bệ và đọc nối tiếp các tiếng trong SGK. - HS lắng nghe. - HS ghép tiếng be. - HS nối tiếp đọc bờ - e - be - bẻ. - 1 HS phân tích tiếng be gồm: âm b đứng trước, âm e đứng sau. - HS lần lượt ghép các tiếng bè, bé,

HS ghép các tiếng bè, bé, bẻ, bẽ, be.

- Sau mỗi tiếng, GV cho HS đọc cá nhân và phân tích tiếng.

- GV chỉ bảng không theo thứ tự và gọi HS đọc cá nhân.

- GV cho HS toàn bộ bài cá nhân, dãy, lớp.

c). GV hướng dẫn HS ghép các tiếng thành từ:

- GV viết mẫu từ be be và hướng dẫn cách ghép tiếng thành từ: từ be be được ghép từ 2 tiếng be.

- GV lần lượt viết bảng các từ bè bè, be bé và yêu cầu HS ghép các từ. Gọi HS phân tích từ gồm những tiếng nào ghép lại với nhau? GV giải thích nghĩa từ cho HS hiểu.

d). Hướng dẫn viết tiếng:

- GV cho HS viết các tiếng be, bè, bé, bẻ, bẽ, be vào bảng con. Lưu ý trước khi viết, GV hỏi lại quy trình viết. độ cao của các chữ.

bẻ, bẽ, be.

- HS đọc cá nhân và phân tích các tiếng: tiếng bè gồm âm b đứng trước, âm e đứng sau, dấu huyền nằm trên âm e,....

- 4 HS đọc cá nhân theo tiếng GV chỉ.

- HS đọc toàn bộ bài cá nhân, dãy, lớp.

- HS quan sát GV hướng dẫn ghép tiếng thành từ.

- HS ghép các từ bè bè, be bé và phân tích từ:

+ Bè bè: gồm 2 tiếng bè ghép lại.

+ Be bé: gồm tiếng be và tiếng bé ghép lại.

- HS viết bảng con các tiếng: be, bè, bé, bẻ, bẽ, be.

TIẾT 2

3. Luyện tập:

a). Luyện đọc:

- GV cho HS đọc lại bài ôn cá nhân (không theo thứ tự), dãy, lớp.

- GV treo tranh và hỏi HS:

+ Tranh vẽ cảnh gì?

+ Đồ chơi của em bé như thế nào?

- GV ghi bảng từ be bé và gọi HS đọc cá nhân.

b). Luyện viết:

- GV cho HS tô các tiếng đã học vào Tập viết 1.

c). Luyện nói:

- GV treo từng cặp tranh minh họa (theo chiều dọc) lên bảng và đặt câu hỏi theo từng cặp tranh.

+ Tranh thứ nhất vẽ con gì?

+ Tranh thứ hai vẽ con gì?

+ Từ tiếng dê ta làm thế nào để có tiếng dế?

- GV đặt câu hỏi tương tự với các cặp tranh còn lại: dưa/dừa, cỏ/cọ, vó/võ.

- GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói thành câu: Con dê ăn gì? Ruột quả dưa có màu gì? ...

III. Củng cố - Dặn dò:

- GV cho HS tìm các tiếng có chứa các dấu thanh đã học.

- Nhận xét tiết học.

- HS đọc lại bài ôn cá nhân, dãy, lớp.

- HS quan sát và trả lời câu hỏi:

+ Tranh vẽ em bé đang chơi đồ chơi.

+ Đồ chơi của em bé rất nhiều, nhỏ và đẹp.

- HS đọc cá nhân: be bé.

- HS tô các tiếng đã học vào tập viết.

- HS quan sát trả lời câu hỏi:

+ Tranh thứ nhất vẽ con dê.

+ Tranh hai vẽ con dế.

+ Ta thêm dấu sắc.

- HS trả lời và luyện nói thành câu: Con dê ăn cỏ/ Ruột quả dưa có màu đỏ,....

- HS tìm các tiếng có chứa dấu thanh đã học.

- HS lắng nghe.

Tự nhiên và xã hội

Bài: CHÚNG TA ĐANG LỚN - KNS

I. MỤC TIÊU:

- Nhận ra sự thay đổi của bản thân về số đo chiều cao, cân nặng và sự hiểu biết của bản thân.

* **KNS: kĩ năng tự nhận thức, kĩ năng giao tiếp.**

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:

- Tranh minh họa trong SGK.

- Thước đo chiều cao, cân.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I. Khám phá:</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Em đã bao giờ so sánh chiều cao, cân nặng của mình với các em hoặc với các bạn không?</p>	<p>- HS trả lời các câu hỏi của GV.</p>

+ Em có nhận thấy khi các em bắt đầu đi học là các em biết được nhiều điều hay hơn không?

- GV giới thiệu: Các em có cùng độ tuổi nhưng có bạn cao hơn, có bạn nặng hơn và chúng ta có nhiều điều hiểu biết hơn. Vì sao lại có những điều như vậy? Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học Chúng ta đang lớn.

- GV ghi tựa bài lên bảng và gọi HS nối tiếp nhắc lại tựa bài.

II. Kết nối:

1. Hoạt động 1: Quan sát tranh trong SGK

* **Mục tiêu:** HS biết được sức lớn của các em thể hiện ở chiều cao, cân nặng và sự hiểu biết. Từ đó, giúp HS có kỹ năng tự nhận thức về bản thân mình.

- GV đính hình trang 6 lên bảng và yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh và cho biết những sự thay đổi của cơ thể về chiều cao, cân nặng, những động tác, những hiểu biết từ khi còn là em bé đến khi đi học.

- GV đặt câu hỏi và gọi đại diện các nhóm trình bày phần thảo luận của mình trước lớp:

+ Hãy chỉ và nói vào từng hình để thấy em bé ngày càng lớn và biết vận động nhiều hơn?

+ Hai bạn nhỏ đang làm gì? Vì sao hai bạn lại làm như thế?

+ Ở hình 2, em bé đang làm gì?

+ So với lúc mới biết đi, em bé đã biết thêm điều gì?

+ Các em hãy so sánh bản thân mình từ khi biết đi đến lúc đi học, cơ thể có những thay đổi như thế nào và sự hiểu biết của các em thay đổi như thế nào?

- GV kết luận: *Trẻ em sau khi ra đời sẽ lớn lên hàng ngày, hàng tháng về cân nặng, chiều cao, về các hoạt động vận động và sự hiểu biết (biết người lạ, người quen, biết nói, Các em, mỗi năm cũng cao hơn, nặng hơn, học được nhiều thứ hơn, trí tuệ phát triển hơn.*

- HS lắng nghe.

- HS nối tiếp nhau nhắc lại tựa bài **Chúng ta đang lớn.**

- HS thảo luận nhóm đôi trong 4 phút.

- Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi và trình bày phần thảo luận của nhóm mình trước lớp.

+ Em bé chỉ nằm ngửa, sau đó biết lật, biết bò, biết ngồi và cuối cùng biết đi.

+ Hai bạn nhỏ đang cùng nhau cân và đo chiều cao của mình. Vì hai bạn muốn biết mình nặng hơn bao nhiêu và cao hơn bao nhiêu.

+ Em bé đang được anh dạy cho cách đếm.

+ Em bé đã biết thêm cách đếm số.

+ HS trả lời cá nhân.

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động 2: Thực hành theo nhóm nhỏ.

* **Mục tiêu:** So sánh sự lớn lên của bản thân với các bạn cùng lớp. Thấy được sức lớn của mỗi người là không hoàn toàn như nhau, có người lớn nhanh hơn, có người lớn chậm hơn. Từ đó, rèn luyện cho HS kĩ năng giao tiếp, tự tin khi so sánh với bạn bè cùng lớp.

- GV cho HS làm việc nhóm 4, yêu cầu các em so sánh chiều cao, chiều dài tay, vòng ngực, vòng đầu của nhau, quan sát ai gầy, ai mập,....

- GV đặt cái cân và thước đo trước lớp. Gọi đại diện vài cặp HS lên so sánh với nhau.

- GV hỏi:

+ Các em thấy chúng ta tuy bằng tuổi nhau nhưng chiều cao, cân nặng có giống nhau không?

+ Muốn phát triển nhanh, khỏe chúng ta phải làm sao?

- GV kết luận: *sự lớn lên của các em có thể giống nhau hoặc khác nhau. Muốn phát triển tốt, các em cần chú ý ăn uống điều độ, giữ gìn sức khỏe, năng tập thể dục để cơ thể chóng lớn.*

III. Thực hành:

- GV cho HS thực hành vẽ các bạn trong nhóm trên cơ sở đã đo chiều cao, quan sát gầy, mập.

IV. Vận dụng:

- Dặn HS về nhà năng tập thể dục và ăn uống điều độ để cơ thể mau lớn.

- HS làm việc nhóm 4, quan sát và so sánh lẫn nhau.

- Đại diện vài nhóm lên so sánh chiều cao, cân nặng trước lớp.

- HS trả lời:

+ Đôi khi giống nhau, đôi khi khác nhau.

+ Chúng ta phải ăn uống đủ chất, tập thể dục thường xuyên.

- HS lắng nghe.

- HS thực hành vẽ các bạn trong nhóm vào giấy A4.

- HS lắng nghe.

Thứ năm, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Toán

Bài: **LUYỆN TẬP**

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được số lượng 1, 2, 3. Biết đọc, viết, đếm các số 1, 2, 3.

- Làm BT 1, 2.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Phiếu học tập của HS.

- Một số đồ vật cho phân kiểm tra bài cũ.

- Tranh bài tập 1, 2.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
I. Kiểm tra bài cũ: - GV cho HS viết bảng con các số 1, 2, 3. - 2 HS đếm các số từ 1 đến 3 và ngược lại.	- HS viết bảng con các số 1, 2, 3. - 2 HS đếm từ 1 đến 3 và ngược lại.